TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-04164AHD2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

08/09/2022

1. Tên mẫu *Name of sample*	:	**LÓT SÀN Ô TÔ BẰNG NHỰA**
2. Mô tả mẫu *Description*	:	Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.* Xem hình trang / *See picture on page 03/03*
3. Số lượng mẫu *Quantity*	:	01
4. Ngày nhận mẫu *Date of receipt*	:	31/08/2022
5. Thời gian thử nghiệm *Testing duration*	:	05/09/2022 - 08/09/2022
6. Nơi gửi mẫu *Customer*	:	**CÔNG TY TNHH PHỤ KIỆN ÔTÔ HƯNG VINH** **98 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**
7. Kết quả thử nghiệm *Test results*	:	Xem các trang tiếp theo *Refer to next pages*

P.TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB.

Nguyễn Thị Thùy Nhi

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-04164AHD2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/ *Limit of detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*	Giới hạn cho phép/ *Thresholds (*)*
7.1 Hàm lượng cadimi (Cd), *Cadmium content*	mg/kg	IEC 62321-5:2013:	5,0	KPH/ND	max 100
7.2 Hàm lượng chì (Pb), *Lead content*	mg/kg	IEC 62321-5:2013:	5,0	KPH/ND	max 1000
7.3 Hàm lượng thủy ngân (Hg), *Mercury content*	mg/kg	IEC 62321-5:2013:	5,0	KPH/ND	max 1000
7.4 Hàm lượng crôm VI (Cr^{6+}), *Hexavalent chromium content*	mg/kg	IEC 62321 -7-2 :2017	10,0	KPH/ND	max 1000
7.5 Hàm lượng polybrominated biphenyls (PBBs), *Polybrominated biphenyls content*	mg/kg	IEC 62321-6:2015			Total max 1000
• Brombiphenyl			25	KPH/ND	
• Dibromobiphenyl			25	KPH/ND	
• Tribromobiphenyl			25	KPH/ND	
• Tetrabromobiphenyl			25	KPH/ND	
• Pentabromobiphenyl			25	KPH/ND	
• Hexabromobiphenyl			25	KPH/ND	
• Heptabromobiphenyl			25	KPH/ND	
• Octabromobiphenyl			25	KPH/ND	
• Nonabromobiphenyl			25	KPH/ND	
• Decabromobiphenyl			25	KPH/ND	
7.6 Hàm lượng polybrominated diphenyl ethers (PBDEs), *Polybrominated diphenyl ethers content*	mg/kg	IEC 62321-6:2015			Total max 1000
• Bromdiphenyl ether			25	KPH/ND	
• Dibromodiphenyl ether			25	KPH/ND	
• Tribromodiphenyl ether			25	KPH/ND	
• Tetrabromodiphenyl ether			25	KPH/ND	
• Pentabromodiphenyl ether			25	KPH/ND	
• Hexabromodiphenyl ether			25	KPH/ND	
• Heptabromodiphenyl ether			25	KPH/ND	
• Octabromodiphenyl ether			25	KPH/ND	
• Nonabromodiphenyl ether			25	KPH/ND	
• Decabromodiphenyl ether			50	KPH/ND	

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. */ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .

KT3-04164AHD2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

08/09/2022

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/ *Limit of detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*	Giới hạn cho phép/ *Thresholds (*)*
7.7 Hàm lượng phthalate, *Phthalate content,*	mg/kg	IEC 62321-8:2017			
• Di(2-ethylhexyl)-phthalate (DEHP)			50	KPH/ND	max 1000
• Butylbenzylphthalate (BBP)			50	KPH/ND	max 1000
• Dibutylphthalate (DBP)			50	KPH/ND	max 1000
• Diisobutylphthalate (DIBP)			50	KPH/ND	max 1000
7.8 Hàm lượng bisphenol A trong nước chiết *Bisphenol A in aqueous migrate,*	mg/L	EN 71-10 : 2005 (clause 6.4) EN 71-11: 2005	0,02	KPH/ND	-

Ghi chú / *Notice:* KPH/ND : Không phát hiện / *Not detected*
Tk. : Tham khảo/ *Reference*
IEC : International Electrotechnical Commission
(*): Theo/ *according to* Annex II- Directive 2015/863/EU
Thử nghiệm trên nền màu đen/ *testing were carried out on black*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .